

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST
Ngày: 26 – 3 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Sơn.

Ông Đỗ Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh C tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoàng Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Tạ Thị N**, sinh ngày 01/01/1992, tên gọi khác: Không. Nơi sinh: huyện H, tỉnh C; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Chí D và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Trần Hồng Q (đã ly hôn); con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Phạm Thị D. Sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 19/8/2023, Tạ Thị N đang ở nhà của ông Trần Văn M (cậu ruột N) ở khóm H, thị trấn Cái N, huyện c, tỉnh C thì Trương Văn L, sinh năm 1987 trú cùng địa chỉ liên hệ điều khiển xe mô tô đến chỗ N đi đến khu nhà tập thể Ủy ban nhân dân huyện H thuộc khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện H. Đến khoảng 03 giờ ngày 19/8/2023, L kêu và chỉ N vào lấy xe mô tô hiệu Vario 125 biển kiểm soát 69M1-260.61 của Phạm Thị D, sinh năm 1992 trú tại Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C. Khi đến trước cửa phòng phát hiện có camera an ninh, sợ chủ nhà phát hiện nên N lấy sợi dây đai nhựa ở gần đó để cột chốt cửa ngoài của phòng lại rồi dẫn xe Vario 125 biển kiểm soát 69M1-260.61 ra ngoài lộ để tìm L nhưng không gặp. Tiếp đó, N dẫn xe vừa chiếm đoạt được đến ngã tư đường 13 tháng 12 với đường Bông Văn Dĩa thuộc khóm 8, thị trấn Rạch Gốc cất giấu xe vào bụi rậm bên lề đường và gọi điện thoại cho L biết đã chiếm đoạt được xe. Một lúc sau, L điều khiển xe chở một nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) để cạy mở ổ khoá xe vừa chiếm đoạt nhưng không được nên L điều khiển xe Vario 125, còn nam thanh niên điều khiển xe của L chở N đẩy xe Vario 125 về đến gần cầu Trại Lưới thuộc địa bàn huyện N cất giấu bên lề đường. Sau đó, L và nam thanh niên điều khiển xe trở lại huyện H còn N gọi xe ôm đến chở về thị trấn Cái Nước. Đến khoảng 07 giờ 15 phút ngày 19/8/2023, chị D thức dậy thì phát hiện mất xe, sau khi kiểm tra camera an ninh thì phát hiện một đối tượng nữ lấy xe vào lúc 02 giờ 55 phút ngày 19/8/2023 nên trình báo vụ việc đến Công an thị trấn Rạch Gốc để xác minh, truy tìm.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, L gọi điện cho N kêu đi xuống nơi cất giấu xe Vario 125 lấy về thị trấn Cái Nước để tiêu thụ, N thuê xe ôm chở đến nơi cất giấu xe và dẫn xe đi tìm tiệm sửa xe để mở khoá. Khi N dẫn xe chiếm đoạt được đến bên xe khách Vân Thuận thuộc khóm 3, thị trấn N, huyện N thì bị Công an huyện H phối hợp với Công an thị trấn N phát hiện mời N làm việc và thu giữ tang vật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐ ngày 22/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario màu đen, biển kiểm soát 69M1-260.61 (đã qua sử dụng) trị giá là 22.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario màu đen, biển kiểm soát 69M1-260.61 và một số giấy tờ để trong cốp xe gồm: 01 Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 03/QĐ-VP; 01 Quyết định về việc hỗ trợ học nghề số 36/QĐ-SLĐTBXH-TTĐVVL; 01 sổ bảo hiểm xã hội số 9621897711 tên Phạm Thị D; 01 sổ tạm trú số 120044025 tên chủ hộ Đoàn Văn Đồ.

- 01 chiếc cặp vải màu đỏ, kích thước 23cm x 20 cm có dây đeo, trên túi cặp có dòng chữ KIPLING; 01 áo vải kiểu nữ, dài tay, thân áo màu đỏ, có nhiều hình nút rô màu đen, tay áo màu vàng nhạt, trên nắp túi áo có dòng chữ CHANEL được đính bằng hột màu trắng; 01 quần dài kiểu nữ màu đỏ có nhiều hình nút rô màu đen; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 36,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 43,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 50,6cm x 01cm; 01 thẻ sim số 0386.911.302.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT- VKS ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Tạ Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tạ Thị N từ 05 tháng tù đến 07 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường chi phí sửa chữa xe cho bà Phạm Thị D số tiền 900.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình trả lại cho bị cáo các tài sản của bị cáo gồm: 01 chiếc cặp vải màu đỏ, kích thước 23cm x 20 cm có dây đeo, trên túi cặp có dòng chữ KIPLING; 01 áo vải kiểu nữ, dài tay, thân áo màu đỏ, có nhiều hình nút rô màu đen, tay áo màu vàng nhạt, trên nắp túi áo có dòng chữ CHANEL được đính bằng hột màu trắng; 01 quần dài kiểu nữ màu đỏ có nhiều hình nút rô màu đen; 01 thẻ sim số 0386.911.302. Tịch thu và tiêu hủy đối với các vật chứng không có giá trị: 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 36,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 43,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 50,6cm x 01cm;

Bị hại bà Phạm Thị D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa xe là 900.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý

kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 03 giờ ngày 19/8/2023, bị cáo Tạ Thị N có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario màu đen, biển kiểm soát 69M1-260.61 của bà Phạm Thị D tại Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐ ngày 22/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận tài sản chiếm đoạt có giá trị là 22.500.000 đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng đã nêu và đồng ý về bản kết luận tài sản. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Tạ Thị N phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Tạ Thị N là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm phạm một cách trái pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên cần được xử lý. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo có thai; hiện bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; tại phiên tòa hôm nay, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cho bị cáo Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc, đánh giá mức độ, tính chất của vụ án xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt là tương xứng nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe là 900.000 đồng, bị cáo đồng ý, do đó buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường chi phí sửa chữa xe cho bị hại số tiền 900.000 đồng.

[6] Về vật chứng thu giữ: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Trả lại cho bị cáo các tài sản của bị cáo gồm: 01 chiếc cặp vải màu đỏ, kích thước 23cm x 20 cm có dây đeo, trên túi cặp có dòng chữ KIPLING; 01 áo vải kiểu nữ, dài tay, thân áo màu đỏ, có nhiều hình nút rô màu đen, tay áo màu vàng nhạt, trên nắp túi áo có dòng chữ CHANEL được đính bằng hạt màu trắng; 01 quần dài kiểu nữ màu đỏ có nhiều hình nút rô màu đen; 01 thẻ sim số 0386.911.302. Tịch thu và tiêu hủy đối với các vật chứng không có giá trị: 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 36,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 43,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 50,6cm x 01cm;

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vario màu đen, biển kiểm soát 69M1-260.61 và một số giấy tờ để trong cốp xe gồm: 01 Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 03/QĐ-VP; 01 Quyết định về việc hỗ trợ học nghề số 36/QĐ-SLĐTBXH-TTĐVVL; 01 sổ bảo hiểm xã hội số 9621897711 tên Phạm Thị D; 01 sổ tạm trú số 120044025 tên chủ hộ Đoàn Văn Đồ đã trả cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét.

[7] Ngoài ra, trong vụ án này bị cáo N khai nhận có đối tượng Trương Văn L là người chủ mưu, chỉ đạo cho bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và một nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ đã có hành vi giúp sức mang tài sản chiếm đoạt đi cất giấu. Tuy nhiên, đến nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được với đối tượng L và không xác định được nhân thân, địa chỉ của nam thanh niên nên chưa có căn cứ xử lý. Do đó, Cơ quan điều tra Công an huyện H tiếp tục truy tìm đối tượng L và nam thanh niên để đấu tranh làm rõ sau.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 300.000 đồng.

[8] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Tạ Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Tạ Thị N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường chi phí sửa chữa xe cho bị hại số tiền 900.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo các tài sản của bị cáo gồm: 01 chiếc cặp vải màu đỏ, kích thước 23cm x 20 cm có dây đeo, trên túi cặp có dòng chữ KIPLING; 01 áo vải kiểu nữ, dài tay, thân áo màu đỏ, có nhiều hình nút rô màu đen, tay áo màu vàng nhạt, trên nắp túi áo có dòng chữ CHANEL được đính bằng hạt màu trắng; 01 quần dài kiểu nữ màu đỏ có nhiều hình nút rô màu đen; 01 thẻ sim số 0386.911.302. Tịch thu và tiêu hủy đối với các vật chứng không có giá trị: 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 36,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 43,6cm x 01 cm; 01 đoạn dây đai nhựa màu xám có kích thước 50,6cm x 01cm.

(Hiện vật chứng đã được chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H quản lý theo biên bản giao nhận ngày 19/02/2024).

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Tạ Thị N phải chịu 200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm bị cáo, bị hại quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- Sở Tư pháp tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- CQĐT huyện H;
- Cơ quan THAHS huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Dung